

Bản án số: 09/2025/HS-PT

Ngày: 12-03-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Quách Trọng Sơn và ông Nguyễn Thế Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thuý Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 106/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lữ Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lữ Văn T, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn lớp: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; nghề nghiệp: Không; con ông Lữ Trung M và bà Lữ Thị M; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: Ngày 29-01-2021, bị Công an xã Nam Dong, huyện Cư Jút xử phạt vi phạm hành chính hành vi vi phạm quy định về trật tự công cộng, mức phạt 750.000 đồng; nhân thân: Tại bản án số 52/2015/HSST ngày 23-12-2015, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05-4-2018; bị bắt tạm giam lần 01 từ ngày 23-4-2021 đến ngày 09-7-2021; bị bắt tạm giam lần 2 từ ngày 22-02-2022 đến ngày 22-4-2022; bị bắt tạm giam lần 03 từ ngày 27-12-2023 - Có mặt

2. Đỗ Ngọc Q, sinh năm 1983 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Số A, Lê Văn H, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn lớp: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Đỗ Ngọc H và bà Đỗ Thị N; có vợ là Nguyễn Thị B (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án: Tại bản án sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 09/01/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố

Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và số tiền truy thu sung quỹ Nhà nước; nhân thân: Tại bản án số 31/HSST ngày 21-02-2003 bị Toà án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 06 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-02-2022 - Có mặt

3. Vương Văn H, sinh năm 1996 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn lớp: **8/12**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; nghề nghiệp: Không; con ông Vương Văn B và bà Nông Thị V; có vợ là vợ Hoàng Thị L và 01 con; tiền án: Tại Bản án phúc thẩm số 14/2017/HSPT ngày 16-02-2017 bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07-5-2020; bị bắt tạm giam từ ngày 23-4-2021- Có mặt

4. Lành Văn V, sinh năm 1998 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn lớp: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; nghề nghiệp: Không; con ông Lành Văn L và bà Lành Thị T; chưa có vợ, con; nhân thân: Ngày 13-12-2016 bị Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 10-3-2019; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-7-2021 - Có mặt

5. Hoàng Văn C, sinh năm 1999 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn 01, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn lớp: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; nghề nghiệp: Không; con ông Hoàng Văn Đ và bà Vi Thị T; có vợ là Triệu Thị L và 01 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-4-2021 đến ngày 04/6/2021; hiện đang tại ngoại - Có mặt

6. Hoàng Văn H1, sinh năm 1998 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; nghề nghiệp: Thợ sơn nước; con ông Hoàng Văn T và bà Lưu Thị V; chưa có vợ, con; nhân thân: Ngày 30-11-2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm 02 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, đã chấp hành xong; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-4-2023 đến ngày 15-11-2023; hiện đang tại ngoại - Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Lữ Văn T: Luật sư Trần Trọng H, Văn phòng Luật sư C, địa chỉ số A/B, đường M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Ngọc Q, Vương Văn H, Lành Văn V: Luật sư Lê Xuân Anh P, thuộc Công ty Luật TNHH T cùng cộng sự - Vắng mặt.

Địa chỉ: Số B, P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bào chữa cho bị cáo Vương Văn H, Lành Văn V: Luật sư Nguyễn Văn L, thuộc Công ty Luật TNHH T cùng cộng sự - Có mặt.

Địa chỉ: Số B, P, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H1:

Ông Phạm Quang Long - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ – Có mặt

Bà Nguyễn Thị Xuân- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ – Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Lữ Văn T thuê nhà tại thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông làm nơi ăn, ở cho người quản lý và nhân viên nữ làm tiếp viên phục vụ quán Karaoke của T gồm: Hoàng Văn C, Vương Văn H, Lành Văn V và Hứa Văn Đ. Ngoài ra, còn có Đỗ Ngọc Q là bạn của T và Hoàng Văn H1 là bạn của Đ và V đến chơi, cũng ăn ở tại đây. Thời điểm này T có 04 tiếp viên nữ ăn ở tại nhà T thuê gồm: H'Ly T, H'Ngai N, H'U và La Thị Hải Y.

Ngày 17-4-2021, T đưa cho H1 600.000 đồng để H1 cùng V đi đón tiếp viên nữ mới về làm việc cho T. Khoảng 11 giờ, ngày 22-4-2021, H1 và V đón xe Taxi đưa tiếp viên mới từ tỉnh Bình Phước về, gồm: Hứa Thị H N, Nông Thị Hải Y, Nguyễn Thị Thu N1, cùng trú tại: huyện Đ, tỉnh Bình Phước và Nông Thành Đ là bạn trai của N. Tại nhà trọ T thuê, T đưa H 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) để H trả tiền Taxi rồi tất cả đi vào nhà. Khi vào trong nhà Đ, N1, N và Y nhìn thấy tờ giấy nội quy dán trên tường có ghi nội dung “đi tiếp khách 500k – 1tr”, nhóm Đ (gồm Đ, N, N1 và Y) tưởng đi làm gái bán dâm nên không ở lại làm mà xách ba lô đi về. Thấy vậy, H1 và C đuổi theo bảo nhóm Đ quay lại nói chuyện với T. Sau khi quay lại, nhóm Đ cùng nhóm của T (gồm T, C, Q, H1, H, V và Đ) vào phòng khách ngồi nói chuyện, T nói: *“Chỗ tao không phải chỗ chơi, thích thì đến, thích thì đi”, “bây giờ không làm nữa thì trả lại tiền xe, tiền ăn uống tao đưa cho thằng H1 lên đón tụi mày thì mới được về”*. Trước yêu cầu của T, Đ nói: *“Em không có tiền, các anh muốn đánh, muốn giết em cũng không có tiền”*. Nghe Đ nói vậy C dùng tay đánh một cái vào ngực Đ và nói: *“Mày nói chuyện với ‘anh Hai’ như vậy à”*. Bị đánh Đ không dám nói gì nữa, T và H tiếp tục nói với nhóm Đ về việc đã bỏ tiền chi phí đưa nhóm Đ lên làm việc cho T, bây giờ không làm nữa thì phải trả lại tiền. Trong lúc nói chuyện Đ đứng dậy thì bị Q dùng tay một tay giữ lại và một tay đánh vào người Đ, Đ đánh lại Q thì bị C và V xông vào dùng gậy 3 khúc bằng sắt đánh vào người Đ, H dùng chân đá một cái vào vùng mặt Đ. Bị đánh, Đ không dám chống lại mà khóc và xin lỗi nên tất cả dừng không đánh Đ nữa. Lúc này 04 nhân viên cũ của T gồm H'Ly T, H'Ngai N, H'U và La Thị Hải Y đều có mặt trong nhà và chứng kiến sự việc trên. N hỏi T phải trả bao nhiêu tiền, T nói phải trả

15.000.000 đồng thì mới cho về. Sau đó T bớt 3.000.000 đồng, nhóm Đ phải trả là 12.000.000 đồng. Nhóm Đ nói với T xin gọi điện về cho gia đình mượn tiền trả thì T đồng ý. Sau khi nói chuyện xong T đi nhậu, H1 bảo nhóm Đ xuống tắm nằm ở dưới bếp ngồi gọi điện, đợi gia đình gửi tiền lên trả xong thì mới được về. H1 nói Đ xuống bếp ngồi cùng nhóm Đ canh chừng còn H, H1, V, C và Q ở phòng khách. Đợi mãi không thấy có tiền trả nên H1 xuống bếp hỏi thì Đ nói không thể mượn được tiền. Sau đó, N1 tiếp tục gọi điện về cho gia đình và báo lại cho H1 là đã mượn tiền, khoảng 17 giờ bố N1 sẽ mang tiền lên trả nên nhóm T tiếp tục chờ. Lúc này Q và H1 xuống bếp thu 04 chiếc điện thoại của Đ, N1, N và Y, yêu cầu N ghi mật khẩu ra giấy, sau đó cầm lên phòng khách để. Khoảng 17 giờ cùng ngày T đi nhậu về nhưng nhóm Đ vẫn chưa có tiền trả nên T chửi cả nhóm Đ lẫn nhóm của T. Q cầm 04 điện thoại thu của nhóm Đ đưa cho C nói C đi hỏi giá. Lúc sau C đi hỏi giá về báo giá bán 04 điện thoại khoảng hơn 5.000.000 đồng, T đồng ý nên C và H chở Đ, N1, N mang 04 điện thoại đi bán lấy tiền trả cho T, nhưng khi ra tiệm điện thoại chủ tiệm chỉ mua với giá khoảng 3.000.000 đồng nên C và H1 không bán mà mang điện thoại về nói với T người ta mua khoảng 3.000.000 đồng, T nói “tao không lấy” nên 04 điện thoại được để ở phòng khách. T nói H1 và V đi in mẫu giấy vay nợ nên H1 đã đi in 04 mẫu giấy vay tiền nhận nợ, H1 viết vào giấy với nội dung Đ, N1, N và Y mỗi người vay 3.000.000 đồng rồi bắt từng người ký nhận, T bắt H1 ký vào bên cho vay và nói nếu nhóm Đ không trả thì H1 phải trả thay. Lúc này T đưa số tài khoản cho N1 để người nhà chuyển tiền vào tài khoản T, N1 gửi số tài khoản T cho bố thì bố N1 đồng ý nhưng phải đợi gom tiền và nhờ người chuyển. T thấy ồn ào nên sau khi nói chuyện với Q một lúc thì T và Q nói C, V, H1 đưa nhóm Đ lên nhà nghỉ. Nghe vậy, C, V và H1 chở nhóm Đ lên nhà nghỉ HH ở thôn A, xã N, huyện C thuê phòng số B rồi bảo nhóm Đ vào trong phòng đóng cửa, kéo rèm lại. H1, C và V ngồi ngoài cửa canh. Quá trình canh H1, C liên tục bắt N1 nhắn tin, gọi điện giục bố chuyển tiền vào số tài khoản đã gửi cho bố N1 nên trong quá trình nhắn tin cho bố, N1 đã gửi vị trí định vị nơi bị giữ cho bố. Do bị T nhắn tin qua điện thoại bắt phải đòi tiền nên H1 trực tiếp gọi cho bố N1 yêu cầu chuyển tiền. Canh được một lúc thì C về đi làm còn H1 và V ở lại đợi nhóm Đ chuyển tiền. Khoảng 22 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Văn P (bố N1) đến Công an huyện Cư Jút trình báo sự việc, đồng thời cung cấp cho Cơ quan Điều tra vị trí định vị nơi nhóm Đ bị giữ. Khi CQĐT Công an huyện Cư Jút có mặt tại nhà nghỉ HH thì H1 và V bỏ trốn, T, Đ, H, C và Q bị bắt giữ.

Tại kết luận giám định số 532/TgT-TTPY, ngày 26/4/2021 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Thương tích của Nông Thành Đ là 0%;

Các chấn thương phần mềm tại thời điểm giám định không để lại sẹo, không làm biến đổi sắc tố da.

Ngày 17/9/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút ban hành Quyết định yêu cầu định giá số 38, yêu cầu định giá đối với 04 điện thoại di động (ĐTDD) tại thời điểm ngày 22/4/2021 gồm: 01 ĐTDD hiệu iphone 6S; 01 ĐTDD hiệu Vivo Y11; 01 ĐTDD hiệu Samsung J6+ và 01 ĐTDD hiệu Samsung J6+5 đều đã qua sử dụng. Ngày 21/9/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cư Jút có công văn số 253/CV- HĐĐG trả lời kết quả: Không có cơ sở định giá giá trị thiệt hại tài sản nên không định giá giá trị tài sản theo yêu cầu định giá của Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút.

Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HSST ngày 16-9-2024 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Lữ Văn T, Đỗ Ngọc Q, Vương Văn H, Lành Văn V, Hoàng Văn C và Hoàng Văn H1 phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Giữ người trái pháp luật”.

1. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; Điều 55 của BLHS, xử phạt bị cáo Lữ Văn T 08 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, 03 năm 06 tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 12 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-12-2023, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 23/4/2021 đến ngày 09/7/2021; từ ngày 22/02/2022 đến ngày 22/4/2022).

2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 của BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc Q 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, 03 năm tù về tội Giữ người trái pháp luật. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 10 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 25/02/2022.

3. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 của BLHS xử phạt bị cáo Vương Văn H 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, 02 năm 06 tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 10 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 23/4/2021.

4. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của BLHS, xử phạt bị cáo Lành Văn V 07 năm tù về tội Cướp tài sản, 02 năm tù về tội Giữ người trái pháp luật. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 08/7/2021.

5. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của BLHS; xử phạt Hoàng Văn C 07 năm tù về tội Cướp tài sản, 02 năm tù về tội Giữ người trái pháp luật. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ đi thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2021 đến ngày 04/6/2021.

6. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của BLHS; xử phạt Hoàng Văn H1 07 năm tù về tội Cướp tài sản, 02 năm 06 tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ đi thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2023 đến ngày 15/11/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 20-9-2024, bị cáo Hoàng Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “*Giữ người trái pháp luật*”, kêu oan đối với tội “*Cướp tài sản*”; ngày 23-9-2024, bị cáo Hoàng Văn H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 25-9-2024, các bị cáo Lữ Văn T, Vương Văn H, Đỗ Ngọc Q kháng cáo kêu oan đối với cả 02 tội; ngày 25-9-2024, bị cáo Lành Văn V kháng cáo kêu oan đối với tội “*Cướp tài sản*” và đề nghị xem xét lại tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lữ Văn T, Hoàng Văn C, Đỗ Ngọc Q, Lành Văn V, Vương Văn H; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn H1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Lữ Văn T, Hoàng Văn C, Đỗ Ngọc Q, Lành Văn V, Vương Văn H; sửa phần áp dụng pháp luật, áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và giảm một phần hình phạt về tội “*Giữ người trái pháp luật*” xử phạt bị cáo 02 năm tù đối với bị cáo Hoàng Văn H1.

Luật sư Trần Trọng H trình bày: Không đồng ý với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Việc bị cáo T đã bỏ ra một khoản chi phí để bị cáo H1 đưa nhóm bị hại lên làm việc là có thật, do đó nhóm bị hại không làm việc thì phải trả lại khoản chi phí đó là phù hợp, đây là quan hệ dân sự. Việc các bị

cáo khác đánh bị hại Đ là do thái độ hỗn láo của Đ, không phải mục đích chiếm đoạt tài sản. Bị cáo H1 và bị cáo V tự đi in giấy vay tiền và buộc các bị hại ký giấy, T không biết. Thời điểm các bị cáo đưa các bị hại lên nhà nghỉ T cũng không chỉ đạo, các bị cáo khác tự hành động, do đó không có việc T đồng phạm với các bị cáo khác. Đồng thời đối với tội cướp tài sản phải thỏa mãn hai yếu tố là sử dụng vũ lực và nhằm chiếm đoạt tài sản, đồng thời ý chí của bị hại phải bị tê liệt nhưng trong trường hợp này thì không có sự tê liệt về ý chí của bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xem xét lại bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Văn L trình bày: Đồng ý quan điểm với luật sư Trần Trọng H về ý thức chủ quan của bị cáo T trong tội “*Cướp tài sản*”, mục đích đòi tiền chỉ là quan hệ dân sự, không phải mục đích chiếm đoạt tài sản, như vậy cấp sơ thẩm đã hình sự hóa dân sự, do đó không có căn cứ về mặt chủ quan để cấu thành tội cướp tài sản; đồng thời các bị cáo đánh bị hại là không có mục đích chiếm đoạt tài sản mà do thái độ hỗn láo của bị hại, cho rằng mục đích đánh bị hại để chiếm đoạt tài sản là không có căn cứ. Đối với bị cáo H và Q có mặt nhưng không tham gia đánh, không tham gia giữ người nhưng đều bị kết án cả hai tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản” là không có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thật kỹ bản án sơ thẩm.

Trợ giúp viên Phạm Quang L trình bày: Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung xem xét kháng cáo của bị cáo H1, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về nhân thân của bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, là động chính của gia đình, đề nghị áp dụng thêm điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới khung hình phạt.

Bị cáo Lữ Văn T trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo bị Điều tra viên ép ký biên bản lấy lời khai trống, do đó lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm mới là lời khai chính xác, bị cáo bỏ chi phí ra để đưa nhóm bị hại lên làm việc nên khi các bị hại không làm việc cho bị cáo thì bị cáo đòi lại tiền là bình thường. Ngoài ra, bị cáo không đánh Đ, không chỉ đạo các bị cáo khác canh giữ các bị hại, các bị hại tự nguyện xin số tài khoản của bị cáo để chuyển tiền cho bị cáo chứ bị cáo không ép buộc.

Bị cáo Q trình bày: Việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo là oan, bị cáo chỉ đến chơi, không phụ thuộc gì T, không liên quan gì công việc của T, bị cáo không tham gia gì, do đó bị cáo không phạm tội.

Bị cáo H trình bày: Bị cáo không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát, bị cáo bị Điều tra viên đưa cho xem lời khai của các bị cáo khác và buộc bị cáo khai theo, bị cáo không đánh bị hại, không đưa nhóm bị hại lên nhà nghỉ.

Các bị cáo khác không trình bày gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo Lữ Văn T, Vương Văn H, Đỗ Ngọc Q và Hoàng Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1]. Lữ Văn T đã đưa cho Hoàng Văn H1 một số tiền làm chi phí cho việc đưa, đón nhóm của Đ, N, Y, N1 đến làm nhân viên cho T, nhưng khi tới nơi, nhóm của Đ đòi bỏ về, không làm việc. Do đó, tại phòng khách nơi T thuê cho nhân viên ở, T nói *“Chỗ tao không phải chỗ chơi, thích thì đến, thích thì đi, bây giờ không làm nữa thì trả lại tiền xe, tiền ăn uống tao đưa cho thằng H lên đón tụi mày thì mới được về”*. Trước yêu cầu của T, Đ nói: *“Em không có tiền, các anh muốn đánh, muốn giết em cũng không có tiền”*. Nghe Đ nói vậy, C, V và H đã có hành vi đánh Đ nhằm yêu cầu nhóm Đ trả tiền cho T. Sau khi đánh Đ, N1 hỏi T phải trả bao nhiêu tiền? T nói phải trả 12.000.000đ. Nội dung này, được các bị cáo thừa nhận tại các BL số 255-259, 269, 280, 284-287, 302, 305-308, 348-350. Lời khai này của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua lời nói của T, xác nhận rõ ý thức của T buộc các bị hại phải trả tiền mới được về, sau khi nghe Đ nói không có tiền để trả, mặc dù không có mâu thuẫn gì với Đ, nhưng C, Q, V và H đã sử dụng vũ lực đối với Đ. Với tương quan lực lượng và hoàn cảnh tại thời điểm đó, các bị cáo có khả năng nhận thức rõ hành vi của các bị cáo sẽ làm cho các bị hại tê liệt về mặt ý chí và buộc phải gọi điện nhờ người thân sắp xếp tiền trả cho T, hơn nữa mục đích chiếm đoạt tài sản của các bị cáo còn được khẳng định rõ hơn khi chờ tới khoảng 17h cùng ngày mà chưa nhận được tiền, Q đề xuất thu 04 điện thoại di động của các bị hại đưa cho C và H1 đem ra tiệm hỏi bán (BL 343), tuy nhiên do số tiền bán được quá ít nên T không đồng ý nhận. Đồng thời, quá trình giữ các bị hại tại nhà thuê của T và nhà nghỉ HH, các bị cáo vẫn liên tục nhắc nhở các bị hại đốc thúc gia đình gửi tiền cho T. Về phía T, mặc dù không tham gia đánh, nhưng khi nhìn thấy nhân viên của mình đánh Đ, T không có hành vi can ngăn, sau khi Đ bị đánh, T tiếp tục nhiều lần yêu cầu các bị hại phải gọi điện cho người thân trả tiền mới được về (BL 258), như vậy, rõ ràng bị cáo T đồng phạm với hành vi dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị cáo khác. Mặt khác, sau khi nghe T nói, các bị cáo đã tiếp thu ý chí của T, canh giữ nhóm bị hại không cho về khi chưa nhận được tiền, xét về tương quan lực lượng và diễn biến vụ án, ý thức của nhóm bị hại đều sợ hãi, không dám đi khỏi nơi bị giữ, như vậy các bị cáo có hành vi giữ người trái pháp luật.

[1.2]. Mặc dù tại các biên bản lấy lời khai giai đoạn năm 2023, các bị cáo đã thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo T cho rằng không

biết có việc đánh nhau xảy ra, tuy nhiên lời khai này của bị cáo là hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo khác, các bị hại và người làm chứng; bị cáo H cho rằng bị cáo không đánh Đ, tuy nhiên tại các biên bản lấy lời khai của Đ đều xác định có một người dùng chân đá Đ nhưng do bị đánh nhiều nên không biết là ai, phù hợp với lời khai của Y khẳng định do H đau tay đang băng bó nên đã dùng chân đánh Đ (BL số 1399), lời khai của C (BL 287), lời khai của Đ (BL 327) đều khẳng định H có tham gia đánh Đ; bị cáo Q khai không đánh Đ nhưng lời khai của bị cáo mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo khác, bị hại và những người làm chứng; đối với bị cáo C và V cho rằng việc đánh Đ là do thái độ thách thức của Đ, không có mục đích chiếm đoạt tài sản nhưng nội dung trình bày này không phù hợp với diễn biến khách quan vụ án, không phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng, với tương quan lực lượng thời điểm các bị cáo có hành vi dùng vũ lực đối với bị hại. Do đó, xét thấy việc Toà án cấp sơ thẩm xét xử và kết án đối với các bị cáo về tội “Cướp tài sản” và “Giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 và điểm đ, e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, V, Q, H và C.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn C về việc xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “*Giữ người trái pháp luật*” và kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với bị cáo Hoàng Văn C, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và quyết định xử phạt bị cáo 02 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt về tội “*Giữ người trái pháp luật*” đã phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[2.2]. Đối với bị cáo Hoàng Văn H, bị cáo thừa nhận bị Toà án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “*Cướp tài sản*” và “*Giữ người trái pháp luật*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 và điểm đ, e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thiếu sót, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo H1. Về phần hình phạt, đối với tội “*Cướp tài sản*” bị cáo bị xử phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt đã phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đối với tội “*Giữ người trái pháp luật*” có phần nghiêm khắc do chưa xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự đối với bị cáo, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét luận cứ bào chữa của luật sư Trần Trọng H và Nguyễn Văn L cho rằng việc bị cáo T yêu cầu các bị hại trả lại số tiền chi phí do bị cáo T đưa cho bị cáo H1 để đi đón các bị hại lên làm việc nhưng khi đến nơi các bị hại bỏ về, không làm là phù hợp và đây là quan hệ dân sự. Xét thấy, bị cáo T đưa tiền cho bị cáo H1 và trả tiền taxi 3.500.000đ, không trực tiếp đưa tiền cho các bị hại, cụ thể số tiền chi phí bị cáo bỏ ra bao nhiêu các bị hại không biết, đáng lẽ ra đối với khoản chi phí này, bị cáo T phải làm việc với bị cáo H1, nhưng bị cáo T lại yêu cầu các bị hại trả 12.000.000đ là không phù hợp, đồng thời từ những phân tích tại mục [1] phần Nhận định, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận luận cứ bào chữa của người bào chữa. Đối với quan điểm bào chữa của ông Phạm Quang L, đề nghị áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H1, từ phân tích tại tiểu mục [2.2] của mục [2] phần Nhận định, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lữ Văn T, Hoàng Văn C, Đỗ Ngọc Q, Lành Văn V, Vương Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Hoàng Văn H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lữ Văn T, Hoàng Văn C, Đỗ Ngọc Q, Lành Văn V, Vương Văn H; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn H1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Lữ Văn T, Hoàng Văn C, Đỗ Ngọc Q, Lành Văn V, Vương Văn H; sửa phần áp dụng pháp luật và phần hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn H1;

1.1. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; Điều 55 của BLHS: Xử phạt bị cáo Lữ Văn T 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 03 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-12-2023, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam

(từ ngày 23-4-2021 đến ngày 09-7-2021 và từ ngày 22-02-2022 đến ngày 22-4-2022).

1.2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 của BLHS: Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc Q 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 03 năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 25-02-2022.

1.3. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 của BLHS: Xử phạt bị cáo Vương Văn H 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 02 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 23-4-2021.

1.4. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của BLHS: Xử phạt bị cáo Lành Văn V 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 02 năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 08-7-2021.

1.5. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của BLHS: Xử phạt Hoàng Văn C 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 02 năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ đi thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-4-2021 đến ngày 04-6-2021.

1.6. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của BLHS: Xử phạt Hoàng Văn H1 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 02 năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ đi thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-4-2023 đến ngày 15-11-2023.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12 - 2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lữ Văn T, Hoàng Văn C, Đỗ Ngọc Q, Lành Văn V, Vương Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- CQCSĐT Công an huyện Cư Jút;
- CQTHAHS Công an huyện Cư Jút;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương